

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 27-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn;
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (T1);

Địa chỉ: Lầu H, 9, 10 Tòa nhà G, Số B P, Phường F, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Hữu N ủy quyền cho ông Phạm Gia H, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ gián tiếp, theo văn bản ủy quyền số 210801-LCO ngày 01 tháng 8 năm 2021.

Ông Phạm Gia H ủy quyền lại cho bà Hoàng Thị Thu T, Chuyên viên Pháp lý Tổ tụng, theo văn bản ủy quyền số 221102-8-CEA ngày 02 tháng 11 năm 2022 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2 Bị đơn: Ông Thạch D, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12 tháng 01 năm 2016, ông Thạch D đã ký Thỏa thuận tín dụng số 2W003095320 với T1. Theo hợp đồng, ông D đã vay số tiền 18.000.000 đồng để mua xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, số khung RLHHC1258FY078125, số máy HC12E-7078280. Theo đó, vào ngày 10 hằng tháng, ông D phải thanh toán cho T1 số tiền 1.734.161 đồng liên tục trong 15 kỳ trả góp, bắt đầu từ ngày 10 tháng 02 năm 2016 đến ngày 10 tháng 4 năm 2017.

T1 và ông D đã ký thỏa thuận tín dụng số 2W003095320 ngày 12 tháng 01 năm 2016 về việc tài trợ xe gắn máy. T1 giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020610 và ông D giữ 01 bản sao y có chứng thực để lưu hành. T1 không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp. Sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, T1 sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để xử lý tài sản thế chấp với cơ quan thi hành án.

Tính đến ngày 27 tháng 3 năm 2023, T1 đã nhận được 3.608.000 đồng. Trong đó bao gồm:

Tiền gốc đã thanh toán: 1.816.181 đồng.

Tiền lãi đã thanh toán: 1.653.086 đồng.

Tiền lãi quá hạn đã thanh toán: 138.773 đồng.

T1 đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông D thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán nhưng ông D không thực hiện.

Nay T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch D trả cho T1 số tiền 23.209.212 đồng. Trong đó:

Tiền gốc chưa thanh toán: 16.183.819 đồng.

Tiền lãi chưa thanh toán: 4.112.456 đồng.

Tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 2.912.937 đồng.

T1 yêu cầu ông D phải chịu tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày T1 có đơn yêu cầu thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Các khoản lãi phát sinh trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử, T1 không yêu cầu ông D phải thanh toán.

Ông Thạch D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bị đơn vắng mặt, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đề nghị Tòa án xác minh, ghi lời khai bà Thạch Thị Sa P là mẹ ruột của ông Thạch D để làm rõ bà Sa P có giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D hay không nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Thạch D phải trả cho T1 số tiền 23.209.212 đồng (trong đó tiền gốc chưa thanh toán: 16.183.819 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 4.112.456 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 2.912.937 đồng) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Thạch D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Khóm A, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Thạch D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc ông Thạch D xác lập hợp đồng tín dụng với T1 là có thật. Thể hiện qua Thỏa thuận tín dụng số 2W003095320 ngày 12 tháng 01 năm 2016 có chữ ký, ghi họ và tên của ông Thạch D. Căn cứ Bảng chi tiết thanh toán thì ông D còn phải thanh toán cho T1 tổng số tiền 23.209.212 đồng (trong đó tiền gốc chưa thanh toán: 16.183.819 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 4.112.456 đồng; lãi quá hạn chưa thanh toán: 2.912.937 đồng). Do ông Thạch D đã vi phạm hợp đồng nên căn cứ Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ông D phải có nghĩa vụ trả cho T1 tổng số tiền là 23.209.212 đồng (trong đó tiền gốc chưa thanh toán: 16.183.819 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 4.112.456 đồng; lãi quá hạn chưa thanh toán: 2.912.937 đồng).

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi quá hạn chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng giữa T1 và ông Thạch D là hợp đồng tín dụng. Do đó việc tính lãi phải căn cứ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết này thì *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện đồng thời cũng có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về thời gian tính lãi và lãi suất áp dụng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Ông Thạch D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đề xuất về nội dung là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cũng như phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đề nghị Tòa án xác minh bà Thạch Thị Sa P là mẹ của ông Thạch D để làm rõ bà Sa P có giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D hay không. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án”*. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Sa P nhận thay ông D bà Sa P đã cam kết giao lại tận tay ông D. Căn cứ quy định nêu trên thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D nên không cần thiết phải xác minh bà Sa P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 7, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T1 .

Buộc ông Thạch D phải trả cho T1 tổng số tiền 23.209.212 đồng. Trong đó tiền gốc chưa thanh toán là 16.183.819 đồng; tiền lãi trong hạn chưa thanh toán là 4.112.456 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 2.912.937 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Thạch D phải chịu 1.160.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho T1 số tiền 580.200 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0013355 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa